

What are the advantages of cloud computing over computing on-premises?
(Select the best answer.)

Ưu điểm của điện toán đám mây so với điện toán tại chỗ là gì? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

All of the above

Tất cả những điều trên

What is the pricing model that enables AWS customers to pay for resources on an as-needed basis? (Select the best answer.)

Mô hình định giá nào cho phép khách hàng AWS thanh toán cho các tài nguyên trên cơ sở khi cần thiết? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Pay as you go

Làm bao nhiêu trả bấy nhiêu

Which of these is NOT a cloud computing model? (Select the best answer.)

Mô hình nào sau đây KHÔNG phải là mô hình điện toán đám mây? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

System administration as a service

Quản trị hệ thống như một dịch vụ

True or False? AWS owns and maintains the network-connected hardware required for application services, while you provision and use what you need.

Đúng hay sai? AWS sở hữu và duy trì phần cứng kết nối mạng cần thiết cho các dịch vụ ứng dụng, trong khi bạn cung cấp và sử dụng những gì bạn cần.

Which of these is NOT a benefit of cloud computing over on-premises computing? (Select the best answer.)

Điều nào sau đây KHÔNG phải là lợi ích của điện toán đám mây so với điện toán tại chỗ? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Pay for racking, stacking, and powering servers

Trả tiền cho giá đỡ, xếp chồng và cung cấp năng lượng cho máy chủ

Which of the following are NOT benefits of AWS Cloud computing?

Choose two

Điều nào sau đây KHÔNG phải là lợi ích của Điện toán đám mây AWS?

Chọn hai

High latency

Temporary and disposable resources

độ trễ cao

Tài nguyên tạm thời và dùng một lần

Which of the following is a compute service? (Select the best answer)

Dịch vụ nào sau đây là dịch vụ điện toán? (Chọn câu trả lời đúng nhất)

Amazon EC2

True or **False?** Cloud computing provides a simple way to access servers, storage, databases, and a broad set of application services over the internet. You own the network-connected hardware required for these services and Amazon Web Services provisions what you need.

Đúng hay sai? Điện toán đám mây cung cấp một cách đơn giản để truy cập máy chủ, lưu trữ, cơ sở dữ liệu và một loạt các dịch vụ ứng dụng qua internet. Bạn sở hữu phần cứng được kết nối mạng cần thiết cho các dịch vụ này và Amazon Web Services cung cấp những gì bạn cần.

Economies of scale result from ____ (Select the best answer.)

Tính kinh tế theo quy mô là kết quả của ____ (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

having hundreds of thousands of customers aggregated in the cloud

có hàng trăm nghìn khách hàng được tổng hợp trên đám mây

Which of these are ways to access AWS core services? Choose three.

Cách nào sau đây là cách để truy cập các dịch vụ cốt lõi của AWS? Chọn ba.

AWS Management Console

AWS Command Line Interface (AWS CLI)

Software Development Kits (SDKs)

Bảng điều khiển quản lý AWS

Giao diện dòng lệnh AWS (AWS CLI)

Bộ công cụ phát triển phần mềm (SDK)

Which component of the AWS Global Infrastructure does Amazon CloudFront use to ensure low-latency delivery? (Select the best answer.)

Amazon CloudFront sử dụng thành phần nào của Cơ sở hạ tầng toàn cầu AWS để đảm bảo phân phối có độ trễ thấp? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

aws edge locations

You can run applications and workloads from a Region closer to the end users to _____ latency.

Bạn có thể chạy các ứng dụng và khối lượng công việc từ Khu vực gần người dùng cuối hơn với độ trễ _____.

Decrease

giảm bớt

True or False? Networking, storage, compute, and databases are examples of service categories that AWS offers.

Đúng hay sai? Mạng, lưu trữ, điện toán và cơ sở dữ liệu là những ví dụ về danh mục dịch vụ mà AWS cung cấp.

True

Đúng

Which of the following are geographic areas that host two or more Availability Zones? (Select the best answer.)

Khu vực địa lý nào sau đây lưu trữ hai Vùng sẵn sàng trở lên? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

aws regions

vùng aws

_____ means the infrastructure has built-in component redundancy and _____ means that resources dynamically adjust to increases or decreases in capacity requirements.

_____ có nghĩa là cơ sở hạ tầng có dự phòng thành phần tích hợp sẵn và _____ có nghĩa là các tài nguyên tự động điều chỉnh để tăng hoặc giảm các yêu cầu về công suất.

fault tolerant, elastic and scalable

chịu lỗi, đàn hồi và có thể mở rộng

True or False? Availability Zones within a Region are connected through low-latency links.

Đúng hay sai? Các Vùng sẵn sàng Availability Zones trong một Khu vực được kết nối thông qua các liên kết có độ trễ thấp.

True

Đúng

Which of these statements about Availability Zones is not true?

Phát biểu nào sau đây về Vùng sẵn sàng Availability Zones là không đúng?

A data center can be used for more than one Availability Zone.

Một trung tâm dữ liệu có thể được sử dụng cho nhiều Vùng sẵn sàng Availability Zone.

What is true about Regions?

Điều gì là đúng về Khu vực?

A Region is a physical location that has multiple Availability Zones.,

Each Region is located in a separate geographic area.

Khu vực là một vị trí thực tế có nhiều Vùng sẵn sàng.,

Mỗi Vùng nằm trong một khu vực địa lý riêng biệt.

AWS highly recommends provisioning your compute resources across _____ Availability Zones.

AWS thực sự khuyên bạn nên cung cấp tài nguyên điện toán của mình trên _____ Vùng sẵn sàng.

Multiple

Nhiều

True or False? Edge locations are only located in the same general area as Regions.

Đúng hay sai? Edge locations chỉ nằm trong cùng khu vực chung với Khu vực.

False

Sai

In the shared responsibility model, AWS is responsible for providing what?
(Select the best answer.)

*Trong mô hình chia sẻ trách nhiệm, AWS chịu trách nhiệm cung cấp những gì?
(Chọn câu trả lời đúng nhất.)*

security of the cloud

bảo mật đám mây

In the shared responsibility model, which of the following are examples of "security in the cloud"?

Trong mô hình chia sẻ trách nhiệm, ví dụ nào sau đây là ví dụ về "bảo mật trong đám mây"?

Encryption of data at rest and data in transit

Security group configurations

Mã hóa dữ liệu ở trạng thái nghỉ và dữ liệu đang truyền

Cấu hình nhóm bảo mật

Which of the following is the responsibility of AWS under the AWS shared responsibility model?

Điều nào sau đây là trách nhiệm của AWS theo mô hình chia sẻ trách nhiệm của AWS?

Maintaining physical hardware

Bảo trì phần cứng vật lý

When creating an AWS Identity and Access Management (IAM) policy, what are the two types of access that can be granted to a user? (

Khi tạo chính sách AWS Identity and Access Management (IAM), hai loại quyền truy cập có thể được cấp cho người dùng là gì?

AWS Management Console access,

Programmatic access

*Quyền truy cập Bảng điều khiển quản lý AWS,
truy cập có lập trình*

True or False? AWS Organizations enables you to consolidate multiple AWS accounts so that you centrally manage them.

Đúng hay sai? Tổ chức AWS cho phép bạn hợp nhất nhiều tài khoản AWS để bạn quản lý chúng một cách tập trung.

True

Đúng

Which of the following are best practices to secure your account using AWS Identity and Access Management (IAM)?

Phương pháp nào sau đây là phương pháp hay nhất để bảo mật tài khoản của bạn bằng cách sử dụng AWS Identity and Access Management (IAM)?

Define fine-grained access rights.

Manage access to AWS resources.

Xác định quyền truy cập chi tiết.

Quản lý quyền truy cập vào tài nguyên AWS.

Which of the following should be done by the AWS account root user? (Select the best answer.)

Người dùng root tài khoản AWS nên thực hiện thao tác nào sau đây? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

change the aws support plan

thay đổi kế hoạch hỗ trợ aws

After initial login, what does AWS recommend as the best practice for the AWS account root user?

Sau lần đăng nhập đầu tiên, AWS khuyến nghị điều gì là phương pháp hay nhất cho người dùng root tài khoản AWS?

Delete the access keys of the AWS account root user

Xóa các khóa truy cập của người dùng root tài khoản AWS

How would a system administrator add an additional layer of login security to a user's AWS Management Console? (Select the best answer.)

Quản trị viên hệ thống sẽ thêm một lớp bảo mật đăng nhập bổ sung vào Bảng điều khiển quản lý AWS của người dùng như thế nào? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Enable multi-factor authentication

Bật xác thực đa yếu tố

True or False? AWS Key Management Service (AWS KMS) enables you to assess, audit, and evaluate the configurations of your AWS resources.

Đúng hay sai? Dịch vụ quản lý khóa AWS (AWS KMS) cho phép bạn đánh giá, kiểm tra và đánh giá cấu hình tài nguyên AWS của mình.

False

Sai

With Amazon Virtual Private Cloud (Amazon VPC), what is the smallest size subnet you can have in a VPC? (Select the best answer.)

Với Amazon Virtual Private Cloud (Amazon VPC), mạng con có kích thước nhỏ nhất bạn có thể có trong VPC là bao nhiêu? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

28

With Amazon Virtual Private Cloud (Amazon VPC), what is the maximum size IP address range you can have in a VPC? (Select the best answer.)

Với Amazon Virtual Private Cloud (Amazon VPC), phạm vi địa chỉ IP có kích thước tối đa mà bạn có thể có trong một VPC là bao nhiêu? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

16

You need to allow resources in a private subnet to access the internet. Which of the following must be present to enable this access? (Select the best answer.)

Bạn cần cho phép các tài nguyên trong một mạng con riêng để truy cập internet. Điều nào sau đây phải có mặt để kích hoạt quyền truy cập này? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

nat gateway

Cổng nat

Which AWS networking service enables a company to create a virtual network within AWS?

Dịch vụ mạng AWS nào cho phép một công ty tạo mạng ảo trong AWS?

amazon virtual private cloud

True or False? Private subnets have direct access to the internet.

Đúng hay sai? Mạng con riêng có quyền truy cập trực tiếp vào internet.

false

Sai

Which component of the AWS Global Infrastructure does Amazon CloudFront use to ensure low-latency delivery? (Select the best answer.)

Amazon CloudFront sử dụng thành phần nào của Cơ sở hạ tầng toàn cầu AWS để đảm bảo phân phối có độ trễ thấp?

aws edge locations

Which of the following is an optional security control that can be applied at the subnet layer of a VPC?

Điều nào sau đây là kiểm soát bảo mật tùy chọn có thể được áp dụng ở lớp mạng con của VPC?

network acl

What happens when you use Amazon Virtual Private Cloud (Amazon VPC) to create a new VPC?

Điều gì xảy ra khi bạn sử dụng Amazon Virtual Private Cloud (Amazon VPC) để tạo VPC mới?

a main route is made by default

một tuyến đường chính được thực hiện theo mặc định

You are a solutions architect who works at a large retail company that is migrating its existing infrastructure to AWS. You recommend that they use a custom VPC. When you create a VPC, you assign it to an IPv4 Classless Inter-Domain Routing (CIDR) block of 10.0.1.0/24 (which has 256 total IP addresses). How many IP addresses are available? (Select the best answer.)

Bạn là kiến trúc sư giải pháp làm việc tại một công ty bán lẻ lớn đang di chuyển cơ sở hạ tầng hiện có của mình sang AWS. Bạn khuyên họ nên sử dụng VPC tùy chỉnh. Khi bạn tạo VPC, bạn gán nó cho khối Định tuyến liên miền không phân loại IPv4 (CIDR) 10.0.1.0/24 (có tổng số 256 địa chỉ IP). Có bao nhiêu địa chỉ IP?

251

For certain services like Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) and Amazon Relational Database Service (Amazon RDS), you can invest in reserved capacity. What options are available for Reserved Instances? (Choose three.)

Đối với một số dịch vụ như Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) và Amazon Relational Database Service (Amazon RDS), bạn có thể đầu tư vào dung lượng dự trữ. Có những tùy chọn nào cho Phiên bản dự trữ? (Chọn ba.)

puri, nuri, auri,

Where can a customer go to get more details about Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) billing activity that took place 3 months ago? (Select the best answer.)

Khách hàng có thể truy cập vào đâu để biết thêm chi tiết về hoạt động thanh toán của Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) đã diễn ra 3 tháng trước? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

aws cost explorer

True or false? To receive the discounted rate associated with Reserved Instances, you must make a full, upfront payment for the term of the agreement.

Đúng hay sai? Để nhận được tỷ lệ chiết khấu liên quan đến Phiên bản dự trữ, bạn phải thực hiện thanh toán đầy đủ, trả trước cho thời hạn của thỏa thuận.

false

Which statement is true about the pricing model on AWS? Select the best answer.

Phát biểu nào đúng về mô hình định giá trên AWS? Chọn câu trả lời hay nhất.

Storage is typically charged per gigabyte.

Lưu trữ thường được tính phí trên mỗi gigabyte.

What are the four support plans offered by AWS Support? (Select the best answer.)

Lưu trữ thường được tính phí trên mỗi gigabyte.

Basic, Developer, Business, Enterprise

Cơ bản, Nhà phát triển, Kinh doanh, Doanh nghiệp

What AWS tool lets you explore AWS services and create an estimate for the cost of your use cases on AWS? Select the best answer.

Công cụ AWS nào cho phép bạn khám phá các dịch vụ AWS và tạo ước tính chi phí cho các trường hợp sử dụng của bạn trên AWS? Chọn câu trả lời hay nhất.

AWS Pricing Calculator

As AWS grows, the cost of doing business is reduced and savings are passed back to the customer with lower pricing. What is this optimization called? (Select the best answer.)

Khi AWS phát triển, chi phí kinh doanh sẽ giảm và khoản tiết kiệm được chuyển lại cho khách hàng với mức giá thấp hơn. Tối ưu hóa này được gọi là gì? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Economies of scale

True or false? AWS offers some services at no charge, such as, Amazon Virtual Private Cloud, AWS Identity and Access Management, Consolidated Billing, AWS Elastic Beanstalk, automatic scaling, AWS OpsWorks and AWS CloudFormation. However, you might be charged for other AWS services that you use in conjunction with these services.

Đúng hay sai? AWS cung cấp miễn phí một số dịch vụ, chẳng hạn như Amazon Virtual Private Cloud, AWS Identity and Access Management, Consolidated Billing, AWS Elastic Beanstalk, tự động thay đổi quy mô, AWS OpsWorks và AWS CloudFormation. Tuy nhiên, bạn có thể bị tính phí cho các dịch vụ AWS khác mà bạn sử dụng cùng với các dịch vụ này.

What are benefits of using AWS Organizations? Choose two.

Lợi ích của việc sử dụng AWS Organizations là gì? Chọn hai.

Provides the ability to create groups of accounts and then attach policies to a group

Simplifies automating account creation and management by using APIs

Cung cấp khả năng tạo các nhóm tài khoản và sau đó đính kèm các chính sách cho một nhóm

Đơn giản hóa việc tự động tạo và quản lý tài khoản bằng cách sử dụng API

True or false? Unlimited services are available with the AWS Free Tier to new AWS customers for 12 months following their AWS sign-up date. (Select the best answer.)

Đúng hay sai? Các dịch vụ không giới hạn được cung cấp với Bậc miễn phí của AWS dành cho khách hàng AWS mới trong 12 tháng kể từ ngày đăng ký AWS của họ. (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

false

Why is AWS more economical than traditional data centers for applications with varying compute workloads? Select the best answer

Tại sao AWS tiết kiệm hơn các trung tâm dữ liệu truyền thống cho các ứng dụng có khối lượng công việc điện toán khác nhau? Chọn câu trả lời hay nhất

Amazon EC2 instances can be launched on-demand when needed.

Các phiên bản Amazon EC2 có thể được khởi chạy theo yêu cầu khi cần.

If your project requires monthly reports that iterate through very large amounts of data, which Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) purchasing option should you consider? (Select the best answer)

Nếu dự án của bạn yêu cầu các báo cáo hàng tháng lặp đi lặp lại qua lượng dữ liệu rất lớn, thì bạn nên cân nhắc lựa chọn mua Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) nào? (Chọn câu trả lời đúng nhất)

Scheduled Reserved Instances

Phiên bản dự trữ đã lên lịch

What is included in an Amazon Machine Image (AMI)? Select the best answer

Hình ảnh máy Amazon (AMI) bao gồm những gì? Chọn câu trả lời hay nhất

All of the above

Tất cả những điều trên

Which Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) feature ensures your instances will not share a physical host with instances from any other AWS customer? (Select the best answer)

Tính năng nào của Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) đảm bảo các phiên bản của bạn sẽ không chia sẻ máy chủ vật lý với các phiên bản từ bất kỳ khách hàng AWS nào khác? (Chọn câu trả lời đúng nhất)

Dedicated Instances

Phiên bản chuyên dụng

Which of the following services is a serverless compute service in AWS? (Select the best answer)

Dịch vụ nào sau đây là dịch vụ điện toán serverless trong AWS? (Chọn câu trả lời đúng nhất)

AWS Lambda

What is the service provided by AWS that enables developers to easily deploy and manage applications in the cloud? (Select the best answer)

Dịch vụ do AWS cung cấp cho phép nhà phát triển dễ dàng triển khai và quản lý ứng dụng trên đám mây là gì? (Chọn câu trả lời đúng nhất)

AWS Elastic Beanstalk

Your web application needs four instances to support steady traffic all of the time. On the last day of the month, the traffic triples. What is the most cost-effective way to handle this pattern? Select the best answer

Ứng dụng web của bạn cần bốn phiên bản để hỗ trợ lưu lượng truy cập ổn định mọi lúc. Vào ngày cuối cùng của tháng, lưu lượng truy cập tăng gấp ba lần. Cách hiệu quả nhất về chi phí để xử lý mô hình này là gì? Chọn câu trả lời hay nhất

Run four Reserved Instances constantly, then add eight On-Demand Instances on the last day of each month. Chạy liên tục bốn Phiên bản dự trữ, sau đó thêm tám Phiên bản theo yêu cầu vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

True or **False**? Containers contain an entire operating system.

Đúng hay sai? Các thùng chứa toàn bộ hệ điều hành.

Which Amazon EC2 option is best for long-term workloads with predictable usage patterns? Select the best answer

Tùy chọn nào của Amazon EC2 là tốt nhất cho khối lượng công việc dài hạn với các kiểu sử dụng có thể dự đoán được? Chọn câu trả lời hay nhất

Reserved Instances

Phiên bản dự trữ

Which of the following must be specified when launching a new Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) Windows instance? Choose two

Điều nào sau đây phải được chỉ định khi khởi chạy phiên bản Windows Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) mới? Chọn hai

Amazon EC2 instance type

Amazon Machine Image (AMI)

Loại phiên bản Amazon EC2

Hình ảnh máy Amazon (AMI)

True or False? Amazon Simple Storage Service (Amazon S3) is an object storage suitable for the storage of flat files like Microsoft Word documents, photos, etc.

Đúng hay sai? Amazon Simple Storage Service (Amazon S3) là một bộ lưu trữ đối tượng phù hợp để lưu trữ các tệp phẳng như tài liệu Microsoft Word, ảnh, v.v.

ĐÚNG VẬY

Đúng hay sai? Amazon Simple Storage Service (Amazon S3) là một bộ lưu trữ đối tượng phù hợp để lưu trữ các tệp phẳng như tài liệu Microsoft Word, ảnh, v.v.

ĐÚNG VẬY

True

Amazon S3 replicates all objects _____. (Select the best answer)

Amazon S3 sao chép tất cả các đối tượng _____. (Chọn câu trả lời đúng nhất)

trong nhiều Vùng sẵn sàng trong cùng một Khu vực

in multiple Availability Zones within the same Region

Which of the following can be used as a storage class for an S3 object lifecycle policy? (Choose three)

Điều nào sau đây có thể được sử dụng làm lớp lưu trữ cho chính sách vòng đời đối tượng S3? (Chọn ba)

S3 Standard Access

S3 Infrequent Access

Simple Storage Service Glacier

The name of an S3 bucket must be unique

Tên của nhóm S3 phải là duy nhất

trên toàn thế giới trên tất cả các tài khoản AWS

worldwide across all AWS accounts

You can use Amazon Elastic File System (Amazon EFS) to: (Select the best answer)

Bạn có thể sử dụng Amazon Elastic File System (Amazon EFS) để: (Chọn câu trả lời đúng nhất)

implement storage for Amazon EC2 instances that multiple virtual machines can access at the same time.

triển khai lưu trữ cho các phiên bản Amazon EC2 mà nhiều máy ảo có thể truy cập cùng lúc.

Amazon Elastic Block Store (Amazon EBS) is recommended when data _____ and _____

(Choose two)

Amazon EBS) được khuyến nghị khi dữ liệu _____ and _____

(Chọn hai)

must be quickly accessible, requiring long-term persistence

requires an encryption solution

phải được tiếp cận nhanh chóng, đòi hỏi sự kiên trì lâu dài

yêu cầu một giải pháp mã hóa

True or False? By default, all data stored in Amazon S3 is viewable by the public.

Đúng hay sai? Theo mặc định, tất cả dữ liệu được lưu trữ trong Amazon S3 đều có thể xem được bởi công chúng.

False

Regarding Amazon S3 Glacier, what is a Vault? (Select the best answer)

A container for storing archives

True or False? When you create a bucket in Amazon S3, it is associated with a specific AWS Region.

Đúng hay sai? Khi bạn tạo một bộ chứa trong Amazon S3, bộ chứa đó sẽ được liên kết với một Khu vực AWS cụ thể.

True

Which of the following are features of Amazon Elastic Block Store (Amazon EBS)? (Choose two)

Tính năng nào sau đây là của Amazon Elastic Block Store (Amazon EBS)?

Amazon EBS volumes can be encrypted transparently to workloads on the attached instance.

Data stored on Amazon EBS is automatically replicated within an Availability Zone.

Ổ đĩa Amazon EBS có thể được mã hóa minh bạch thành khối lượng công việc trên phiên bản đính kèm.

Dữ liệu được lưu trữ trên Amazon EBS được tự động sao chép trong Vùng sẵn sàng.

You are designing an ecommerce web application that will scale to hundreds of thousands of concurrent users. Which database technology is best suited to hold the session state in this example?

Bạn đang thiết kế một ứng dụng web thương mại điện tử sẽ mở rộng quy mô cho hàng trăm nghìn người dùng đồng thời.

Amazon DynamoDB

You need to find an item in an Amazon DynamoDB table using an attribute other than the item's primary key. Which of the following operations should you use? (Select the best answer.)

Bạn cần tìm một mục trong bảng Amazon DynamoDB bằng thuộc tính không phải là khóa chính của mục đó. Bạn nên sử dụng thao tác nào sau đây? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Scan

In Amazon DynamoDB, what does the query operation enable you to do? (Select the best answer.)

Trong Amazon DynamoDB, thao tác truy vấn cho phép bạn làm gì? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Allof the above

Which AWS Cloud service is best suited for analyzing your data by using standard structured query language (SQL) and your existing business intelligence (BI) tools? (Select the best answer.)

Dịch vụ Đám mây AWS nào phù hợp nhất để phân tích dữ liệu của bạn bằng cách sử dụng ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc tiêu chuẩn (SQL) và các công cụ nghiệp vụ thông minh (BI) hiện có của bạn? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Amazon Redshift.

In Amazon DynamoDB, an attribute is _____. (Select the best answer)

Trong Amazon DynamoDB, một thuộc tính là _____. (Chọn câu trả lời đúng nhất)

a fundamental data element.

một yếu tố dữ liệu cơ bản.

If you are developing an application that requires a database with extremely fast performance, fast scalability, and flexibility in the database schema, which service should you consider? (Select the best answer.)

Nếu bạn đang phát triển một ứng dụng yêu cầu cơ sở dữ liệu có hiệu suất cực nhanh, khả năng mở rộng nhanh và tính linh hoạt trong lược đồ cơ sở dữ liệu, thì bạn nên xem xét dịch vụ nào?

Amazon DynamoDB.

Which of the following use cases is appropriate for using Amazon Relational Database Service (Amazon RDS)? (Select the best answer.)

Trường hợp sử dụng nào sau đây phù hợp để sử dụng Amazon Relational Database Service (Amazon RDS)?

Amazon Aurora

True or false? Amazon RDS automatically patches the database software and backs up our database, storing the backups for a user-defined retention period and enabling point-in-time recovery.

Đúng hay sai? Amazon RDS tự động vá phần mềm cơ sở dữ liệu và sao lưu cơ sở dữ liệu của chúng tôi, lưu trữ các bản sao lưu trong khoảng thời gian lưu giữ do người dùng xác định và cho phép khôi phục tại thời điểm.

True.

What should you consider when choosing a database type? (Select the best answer.)

Bạn nên cân nhắc điều gì khi chọn loại cơ sở dữ liệu? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

All of the above

None of the above use cases is an appropriate fit for Amazon RDS.

Không có trường hợp sử dụng nào ở trên phù hợp với Amazon RDS.

Complex transactions.

Giao dịch phức tạp

A company has an application, which consists of a .NET layer that connects to a MySQL database. They want to move this application on to AWS and use AWS features such as high availability and automated backups. Which of the following would be an ideal database for this use case? (Select the best answer)

Một công ty có một ứng dụng bao gồm một lớp .NET kết nối với cơ sở dữ liệu MySQL. Họ muốn chuyển ứng dụng này sang AWS và sử dụng các tính năng của AWS như tính sẵn sàng cao và sao lưu tự động. Cơ sở dữ liệu nào sau đây sẽ là cơ sở dữ liệu lý tưởng cho trường hợp sử dụng này? (Chọn câu trả lời đúng nhất)

Amazon RDS

True or false? Amazon RDS automatically patches the database software and backs up your database, storing the backups for a user-defined retention period and enabling point-in-time recovery.

Một công ty có một ứng dụng bao gồm một lớp .NET kết nối với cơ sở dữ liệu MySQL. Họ muốn chuyển ứng dụng này sang AWS và sử dụng các tính năng của AWS như tính sẵn sàng cao và sao lưu tự động. Cơ sở dữ liệu nào sau đây sẽ là cơ sở dữ liệu lý tưởng cho trường hợp sử dụng này? (Chọn câu trả lời đúng nhất)

True

What should you consider when choosing a database type? (Select the best answer)

Bạn nên cân nhắc điều gì khi chọn loại cơ sở dữ liệu? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

All of the above

Which of the following is not one of the four areas of the performance efficiency of the AWS Well-Architected Framework? (Select the best answer.)

Điều nào sau đây không phải là một trong bốn lĩnh vực của hiệu quả hoạt động của Khung kiến trúc tối ưu AWS? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Traceability

truy xuất nguồn gốc

Which of the following is a principle when designing cloud-based systems? (Select the best answer.)

Điều nào sau đây là nguyên tắc khi thiết kế các hệ thống dựa trên đám mây? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Assume everything will fail.

Giả sử mọi thứ sẽ thất bại.

Which of the following are pillars of the AWS Well-Architected Framework?
(Choose three.)

Điều nào sau đây là trụ cột của Khung kiến trúc tối ưu AWS? (Chọn ba.)

- **Security**
- **Operational Excellence**
- **Cost Optimization**

Bảo vệ

Hoạt động xuất sắc

Tối ưu hóa chi phí

Which design principles are recommended when considering performance efficiency? (Choose two.)

*Nguyên tắc thiết kế nào được khuyến nghị khi xem xét hiệu quả hoạt động?
(Chọn hai.)*

Use serverless architectures

Democratize advanced technologies

Sử dụng kiến trúc serverless

Dân chủ hóa các công nghệ tiên tiến

AWS Trusted Advisor provides insight regarding which five categories of an AWS account? (Select the best answer.)

AWS Trusted Advisor cung cấp thông tin chuyên sâu về năm loại tài khoản AWS nào? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Performance, cost optimization, security, fault tolerance, service limits

Hiệu suất, tối ưu hóa chi phí, bảo mật, khả năng chịu lỗi, giới hạn dịch vụ

What is the focus of the sustainability pillar of the Well-Architected Framework? (Select the best answer.)

Trọng tâm của trụ cột bền vững của Khung kiến trúc tốt ưu là gì? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Minimizing the environmental impacts of running cloud workloads

Giảm thiểu tác động môi trường khi chạy khối lượng công việc trên đám mây

After you move to the AWS Cloud, you want to ensure that the right security settings are put in place. Which online tool can assist in security compliance? (Select the best answer.)

Sau khi chuyển sang Đám mây AWS, bạn muốn đảm bảo rằng các cài đặt bảo mật phù hợp được áp dụng. Công cụ trực tuyến nào có thể hỗ trợ tuân thủ bảo mật? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

AWS Trusted Advisor

Which of the following is a measure of your system's ability to provide functionality

Điều nào sau đây là thước đo khả năng cung cấp chức năng của hệ thống của bạn

Reliability

độ tin cậy

What is defined as the ability for a system to remain operational even if some of the components of that system fail? (Select the best answer.)

Điều gì được định nghĩa là khả năng một hệ thống vẫn hoạt động ngay cả khi một số thành phần của hệ thống đó bị lỗi? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Fault tolerance

khả năng chịu lỗi

Which of the following best describes a system that can withstand some measures of degradation, experiences minimal downtime, and requires minimal human intervention? (Select the best answer.)

Điều nào sau đây mô tả đúng nhất một hệ thống có thể chịu được một số biện pháp xuống cấp, trải qua thời gian ngừng hoạt động tối thiểu và yêu cầu sự can thiệp tối thiểu của con người? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Highly available

Which of the following AWS tools help your application scale up or down based on demand? (Choose two.)

Công cụ AWS nào sau đây giúp ứng dụng của bạn tăng hoặc giảm quy mô dựa trên nhu cầu? (Chọn hai.)

Amazon EC2 Auto Scaling

Elastic Load Balancing

Tự động thay đổi quy mô Amazon EC2

Cân bằng tải đàn hồi

Which service would you use to send alerts based on Amazon CloudWatch alarms? (Select the best answer.)

Bạn sẽ sử dụng dịch vụ nào để gửi cảnh báo dựa trên cảnh báo của Amazon CloudWatch? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Amazon Simple Notification Service (Amazon SNS)

Which of the following are characteristics of Amazon EC2 Auto Scaling? (Choose three.)

Điều nào sau đây là đặc điểm của Amazon EC2 Auto Scaling? (Chọn ba.)

- **Responds to changing conditions by adding or terminating instances**
- **Launches instances from a specified Amazon Machine Image (AMI)**
- **Enforces a minimum number of running Amazon EC2 instances**
- *Đáp ứng các điều kiện thay đổi bằng cách thêm hoặc chấm dứt các phiên bản*

- Khởi chạy các phiên bản từ Amazon Machine Image (AMI) được chỉ định
- Thực thi số lượng phiên bản Amazon EC2 đang chạy tối thiểu

Which of the following must be configured on an Elastic Load Balancing load balancer to expect incoming traffic? (Select the best answer.)

Điều nào sau đây phải được định cấu hình trên bộ cân bằng tải Cân bằng tải dàn hồi để mong đợi lưu lượng truy cập đến? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

A listener

Which of the following elements are used to create an Amazon EC2 Auto Scaling launch configuration? (Choose three.)

Yếu tố nào sau đây được sử dụng để tạo cấu hình khởi chạy Amazon EC2 Auto Scaling? (Chọn ba.)

- **Amazon Machine Image (AMI)**
- **Instance type**
- **Amazon Elastic Block Store (Amazon EBS) volumes**

Hình ảnh máy Amazon (AMI)

- *Loại phiên bản*
- *Khối lượng Amazon Elastic Block Store (Amazon EBS)*

Which of the following services can help you collect important metrics from Amazon Relational Database Service (Amazon RDS) and Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2) instances? (Select the best answer.)

Dịch vụ nào sau đây có thể giúp bạn thu thập các số liệu quan trọng từ các phiên bản Amazon Relational Database Service (Amazon RDS) và Amazon Elastic Compute Cloud (Amazon EC2)? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

Amazon CloudWatch

Which of the following are elements of an Auto Scaling group? (Choose three.)

Điều nào sau đây là các thành phần của nhóm Auto Scaling? (Chọn ba.)

- **Minimum size**
- **Desired capacity**

- **Maximum size**

There is an audit at your company and they need to have a log of all access to AWS resources in the account. Which of the following services can assist in providing these details? (Select the best answer.)

Công ty của bạn đang tiến hành kiểm tra và họ cần có nhật ký về tất cả quyền truy cập vào tài nguyên AWS trong tài khoản. Dịch vụ nào sau đây có thể hỗ trợ cung cấp các thông tin chi tiết này? (Chọn câu trả lời đúng nhất.)

AWS CloudTrail

In Elastic Load Balancing, when the load balancer detects an unhealthy target, which of the following are true? (Choose three.)

Trong Cân bằng tải đàn hồi, khi bộ cân bằng tải phát hiện một mục tiêu không lành mạnh, điều nào sau đây là đúng? (Chọn ba.)

- **Stops routing traffic to that target**
- **Resumes routing traffic when it detects that the target is healthy again**
- **Routes traffic to a healthy target**

Dừng định tuyến lưu lượng đến mục tiêu đó

Tiếp tục định tuyến lưu lượng truy cập khi phát hiện mục tiêu khỏe mạnh trở lại

Định tuyến lưu lượng truy cập đến mục tiêu lành mạnh

What are the three types of load balancers that Elastic Load Balancing offers?

Ba loại cân bằng tải mà Cân bằng tải đàn hồi cung cấp là gì?

- **Application Load Balancer**
- **Network Load Balancer**
- **Classic Load Balancer**

• Cân bằng tải ứng dụng

• Cân bằng tải mạng

• Cân bằng tải cổ điển